

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BM
TỈNH HG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2018

V/V Kiện xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BM TỈNH HG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ông: Phạm Hùng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: Dương Thị Ngọc Thủy.

- Bà Phạm Thị Mận.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa ông: Dương Văn Công cán bộ Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện BM tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị X-Kiểm sát viên

Ngày 28/6/2018 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2018 về việc Kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn anh: **Phản Văn K**; Sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn GY, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG; Nghề nghiệp: Trồng trọt (Có mặt).

2. Bị đơn chị: **Triệu Mùi T**; Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn GY, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG; Nghề nghiệp: Trồng trọt (Vắng mặt- Có lý do theo quyết định số 01/2018/QĐST-VDS Tuyên bố một người mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện viết ngày 09/5/2018, các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và tại phiên họp hôm nay anh Phản Văn K trình bày: Tôi với chị Triệu Mùi T trước khi xây dựng gia đình có tìm hiểu nhau khoảng 3 tháng và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương đầu năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện không bên nào bị ép buộc. Đến ngày 22/02/2012 vợ chồng đến UBND thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG làm thủ tục đăng ký kết hôn, từ khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ tại Thôn GY, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG. Quá trình sống chung vợ chồng tôi không có nảy sinh mâu thuẫn gì.

Nguyên nhân: Không biết lý do gì từ ngày 12/7/2015 vợ nói đi chợ mua quần áo cho con không thấy về nhà tôi gọi điện thoại không liên lạc được, vài hôm vợ gọi điện về báo cho tôi đi làm ăn ở bên Trung Quốc địa chỉ ở đâu tôi không biết, từ đó vợ không

gửi tiền về cho gia đình và cũng không thông tin liên lạc gì. Vì vậy, tôi thấy vợ vô trách nhiệm bỏ lại tôi phải nuôi 02 con còn nhỏ mà không có thông tin về gia đình. Ngày 02/11/2017 tôi viết đơn yêu cầu Tòa án huyện BM giải quyết tuyên bố chị Triệu Mùi T mất tích, sau đó đến ngày 19/3/2018 Tòa án huyện BM mở phiên họp ra quyết định số 01/2018/QĐST-VDS Tuyên bố một người mất tích đối với chị Triệu Mùi T, khi quyết định có hiệu lực pháp luật tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Triệu Mùi T.

Quá trình vợ, chồng chung sống có 02 con chung: Phan Thị X, sinh ngày 05/01/2011 hiện đang học lớp 1 trường tiểu học thôn GY, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG và Phan Thị H, sinh ngày 07/10/2013 hiện đang học mẫu giáo trường mầm non thôn GY, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không có.

Nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân xin ly hôn với chị Triệu Mùi T; Về con chung xin nuôi 02 con chung Phan Thị X và Phan Thị H không yêu cầu chị Triệu Mùi T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung công nợ của vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Phan Thị X, sinh ngày 05/01/2011 hiện nay mẹ cháu không ở nhà và ở đâu, nếu bố ly hôn thì nguyện vọng cháu xin được ở với bố đẻ Phan Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai xét thấy: Chị Triệu Mùi T đã bị Tòa án BM tuyên bố mất tích đến nay quyết định có hiệu lực pháp luật, nên anh Phan Văn K yêu cầu giải quyết ly hôn, con cái là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn K được ly hôn chị Triệu Mùi T;

Về con chung: Do chị Triệu Mùi T mất tích, con chung vẫn còn nhỏ, chỗ ở ổn định đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Phan Thị X, sinh ngày 05/01/2011 và Phan Thị H, sinh ngày 07/10/2013 cho anh K nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con; chị Triệu Mùi T mất tích nên không xem xét đề cập đến

Về tài sản chung, công nợ: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 19/3/2018 Tòa án huyện BM mở phiên họp ra quyết định tuyên bố chị Triệu Mùi T mất tích, là có lý do chính đáng nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 BLTTDS. Do đó nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn K với Chị Triệu Mùi T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân ngày 12/7/2015 chị T đi chợ mua quần áo cho con song không thấy về nhà anh K đã đi tìm kiếm khắp nơi không có kết quả, 02 năm sau không thấy chị T về anh K làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất tích. Đến ngày 19/3/2018 Tòa án mở phiên họp “Tuyên bố một người mất tích đối với chị Triệu Mùi T” theo quyết định số 01/2018/QĐST-VDS của Tòa án huyện BM. Anh K thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh K đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân không tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh K được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung anh K với chị T: Có hai con chung Phan Thị X, sinh ngày 05/01/2011 và Phan Thị H, sinh ngày 07/10/2013 hiện đang ở với anh K ổn định, việc chị T là mẹ đẻ của hai cháu hiện này không biết ở đâu ngoài ra nguyện vọng Phan Thị X, sinh ngày 05/01/2011 xin được ở với anh K. Vì vậy HĐXX xét thấy chấp nhận giao 02 con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với chị T bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không giải quyết về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không có: Anh Phan Văn K không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phan Văn K phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Cho ly hôn giữa anh Phan Văn K và chị Triệu Mùi T.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng Điều 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

2.1 Giao con chung Phan Thị X, sinh ngày 05/01/2011 và Phan Thị H, sinh ngày 07/10/2013 cho anh Phan Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2 Chị Triệu Mùi T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Phan Văn K chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BM, theo biên lai số 07036 ngày 09/5/2018.

- Chị Triệu Mùi T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND thị trấn YP.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh, huyện BM;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện BM;
- UBND thị trấn YP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Hùng Thắng